TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án: 1146/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Phan Thị Thúy Ngọc
2/ Ông Nguyễn Văn Bình
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 819/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2017/QĐXX ST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Tằng Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Cao Văn T trình bày: ông và bà Tằng Thị L tự nguyện chung sống từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới và lập hôn thú tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 1/2001 ngày 08/11/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà L không chung thủy. Ông đã cố gắng tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: ông T khai có hai con chung là Cao Thị Minh T1, sinh ngày 28/8/2002 và Cao Tuấn Q, sinh ngày 17/3/2011. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có.

Bị đơn, bà Tằng Thị L vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu trên.

Bị đơn, bà Tằng Thị L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Cao Văn T có đơn yêu cầu ly hôn bà Tằng Thị L. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định nguyên đơn ông Cao Văn T, bị đơn bà Tằng Thị L.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bà Tằng Thị L trú tại quận Tân Bình nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn

tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: nguyên đơn khai có hai con chung là Cao Thị Minh T1, sinh ngày 28/8/2002 và Cao Tuấn Q, sinh ngày 17/3/2011; nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, đồng thời qua ý kiến nguyện vọng của cháu Cao Thị Minh T1 thì nếu ba mẹ không chung sống với nhau thì cháu có nguyện vọng ở với ba và hiện nay nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con, do đó xét thấy yêu cầu nuôi cả hai con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn T được ly hôn bà Tằng Thị L.

Về con chung: giao cho ông Cao Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Cao Thị Minh T1, sinh ngày 28/8/2002 và Cao Tuấn Q, sinh ngày 17/3/2011. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Tằng Thị L do ông T không yêu cầu.

Bà L được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân , tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Cao Văn T nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006762 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Như Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân phường B, quận C, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình.Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Bình

2/ Bà Phan Thị Thúy Ngọc

Căn cứ vào điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự,đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn" thụ lý số 819/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 .

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

1/ Về quan hệ pháp luật :

Căn cứ điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Ly hôn .

Kết quả biểu quyết : 3/3

2/ Về thẩm quyền :

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 :vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Kết quả biểu quyết : 3/3

3/ Về tư cách những người tham gia tố tụng :

Căn cứ điều Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định :

Nguyên đơn : Ông Cao Văn T;

Bị đơn : Bà Tằng Thị L

Kết quả biểu quyết : 3/3

4/ Về nội dung :

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông cao Văn T được ly hôn bà Tằng Thị L .

Về quan hệ con chung : giao cho ông Cao Văn T được trực tiếp nuôi cả hai con chung là Cao Thị Minh Thư, sinh ngày 28/8/2002 và Cao Tuấn Quốc, sinh ngày 17/3/2011, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Tằng Thị L do ông T không yêu cầu.

Bà L được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân , tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung , nợ chung: nguyên đơn khai không có.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Kết quả biểu quyết : 3/3

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí(Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016)

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Cao Văn T nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006762 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí.

Kết quả biểu quyết : 3/3

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Căn cứ Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Buổi nghị án kết thúc lúc …. giờ …. ngày 30 tháng 10 năm 2017 . Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA